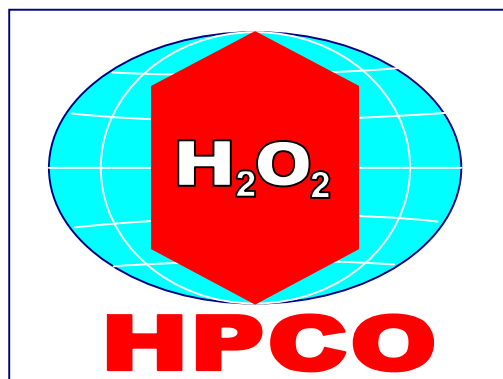


CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020

Bắc Giang – 2021

I. THÔNG TIN CHUNG:**1. Thông tin khái quát:**

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC
Tên tiếng Anh:	HA BAC HUNG PHAT CHEMICAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	HPCO
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp:	Số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 25/03/2016.
Vốn điều lệ:	84.000.000.000 đồng (Tám mươi tư tỷ đồng)
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành:	8.400.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
Địa chỉ trụ sở chính:	Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Số điện thoại:	0204 3526 066
Số fax:	0204 3526 066
Website:	http://hungphathabac.com.vn
Mã chứng khoán:	HPH

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc nằm ở phía Bắc thành phố Bắc Giang, phía Đông và phía Bắc giáp Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, phía Nam giáp phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang và phía Tây giáp Công ty cổ phần Than hoạt tính Trường Phát.

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2003000297 ngày 01/02/2008 thay đổi lần 3 ngày 25/03/2016 với mức vốn điều lệ là 84.000.000.000 đồng.

Công ty được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với số vốn điều lệ ban đầu là 56 tỷ đồng và 03 cổ đông sáng lập, trong đó Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là CTCP Phân đạm và Hóa

chất Hà Bắc) nắm cổ phần chi phối. Mục tiêu thành lập và hoạt động kinh doanh chính của Công ty là đầu tư sản xuất và cung cấp Hydrogen Peroxide có công thức hóa học là H_2O_2 , còn gọi là ô xy già sử dụng rộng rãi trong công nghiệp sản xuất giấy, dệt, điện tử, xử lý môi trường,...

Là một trong những đơn vị sản xuất ô xy già đầu tiên tại Việt Nam, sau 10 năm thành lập với mục đích sản xuất kinh doanh ô xy già và kinh doanh phân bón hóa chất, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là triển khai đầu tư xây dựng Dây chuyền sản xuất ô xy già công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50% và bắt đầu chạy thử từ cuối năm 2011, đến nay sản phẩm ô xy già của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đã dần tạo lập thương hiệu trên thị trường với hệ thống các nhà phân phối đã bắt đầu được hình thành rộng khắp cả nước.

Các sự kiện khác:

Ngày 05/08/2009, Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành công ty đại chúng.

Ngày 04/12/2017, Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 219/2017/GCNCP-VSD với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 8.400.000 cổ phiếu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1 . Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 25/03/2016, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi các loại hàng hóa.
- Sản xuất H_2O_2 .
- Mua bán H_2O_2 , phân bón phục vụ nông nghiệp và các loại hóa chất khác.

Kinh doanh vật tư nông nghiệp.

➤ Xuất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất và phân bón, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, máy móc thiết bị và các mặt hàng mà Công ty kinh doanh.

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác.
- Buôn bán máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa.
- Kinh doanh bất động sản.
- Xây dựng nhà các loại.

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước.
- Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- Xây dựng công trình giao thông

3.2. Địa bàn kinh doanh:

Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bình Dương, Biên Hòa, Tây Ninh, Vũng Tàu, Bình Định....

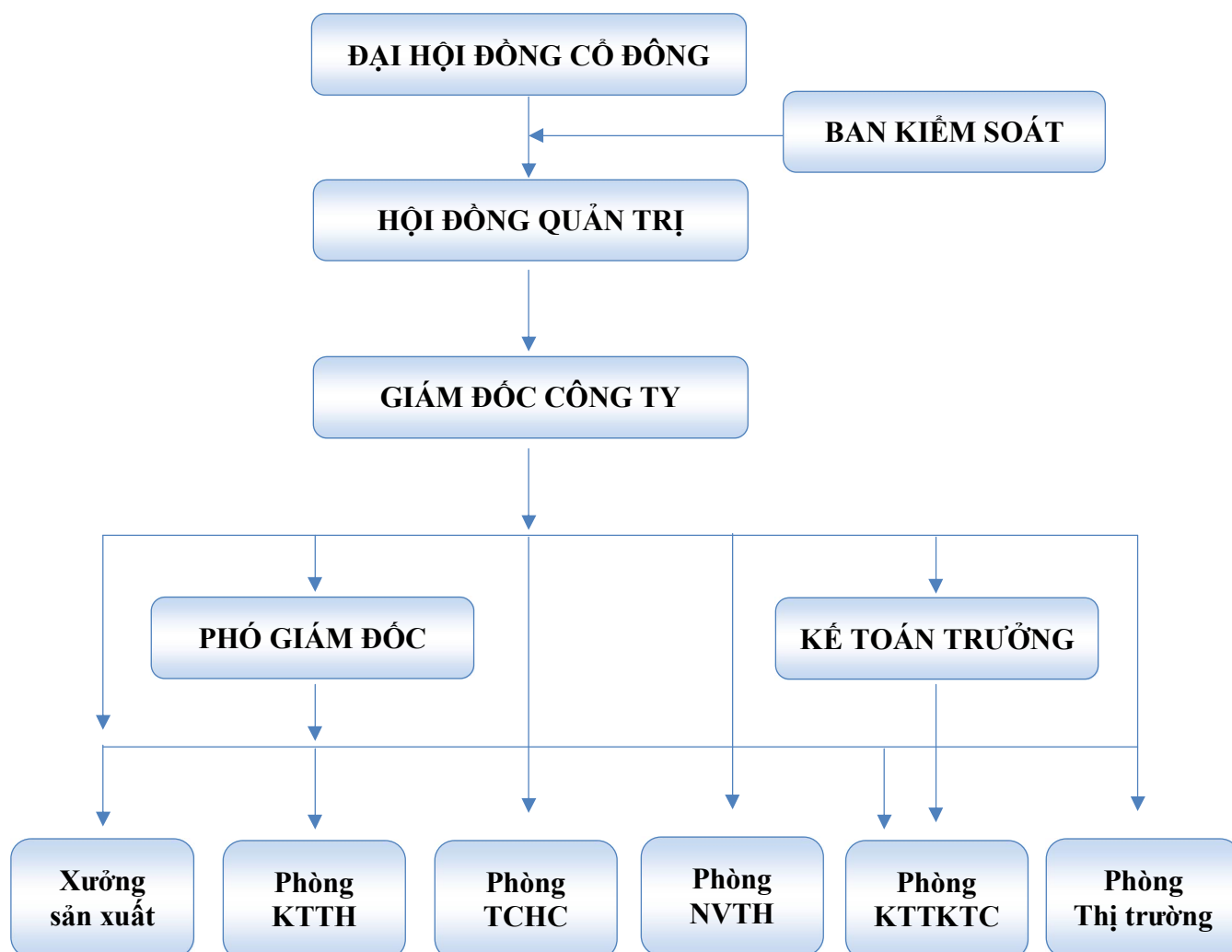
Miền Bắc: Thành Phố Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Giang, Hải Phòng, Nam Hà, Thái Nguyên....

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc thiết lập cơ cấu tổ chức và quản trị theo mô hình công ty cổ phần, phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh, bao gồm cả cơ chế trao đổi thông tin nội bộ và phân công các cán bộ với quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng. Bên cạnh đó, Công ty cũng xem xét và cải tiến liên tục hệ thống quản trị Công ty nhằm triển khai có hiệu quả các chính sách nhằm đạt được các mục tiêu đề ra

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty bao gồm:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần và quyết định các vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo, quyết định phương thức hoạt động, vốn điều lệ, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ...

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, chịu trách nhiệm triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị có quyền quyết định và thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Hội

đồng quản trị là 05 (năm) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

4.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty và các quyền hạn, trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 90 (chín mươi) ngày để giải quyết các công việc tồn đọng. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4.4. Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty

Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Công ty. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, được Giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc về lĩnh vực công việc được phân công:

- Theo dõi quản lý kỹ thuật, quy trình công nghệ sản xuất của Công ty.
- Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, đề xuất các quy trình công nghệ mới, tổng hợp báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh thường kỳ cho Giám đốc.
- Chỉ đạo trực tiếp phòng Kỹ thuật tổng hợp và Xưởng sản xuất H₂O₂.

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng là người trực tiếp tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý tài chính kế toán trong Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các vấn đề liên quan tới công tác kế toán tài chính, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của Công ty. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

4.5. Các phòng chuyên môn thuộc Công ty và Xưởng sản xuất

Phòng Kỹ thuật tổng hợp

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về các lĩnh vực chuyên môn kỹ thuật trong việc điều hành quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý Kỹ thuật, An toàn và Vệ sinh môi trường.

Phòng Nghiệp vụ tổng hợp

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về nghiệp vụ chuyên môn trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý Kế hoạch, Vật tư và Đầu tư.

Phòng Tổ chức – Hành chính

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về nghiệp vụ chuyên môn trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý: Tổ chức, quản lý lao động tiền lương và giải quyết các chế độ cho người lao động, Hành chính quản trị, Bảo vệ an ninh trật tự và phòng chống cháy nổ.

Phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về các lĩnh vực Kế toán - Thống kê - Tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện những công việc nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng qui định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán.

Phòng Thị trường

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc các vấn đề liên quan đến công tác tiêu thụ và phát triển thị trường, các chuyên môn nghiệp vụ trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường.

Xưởng sản xuất

Chức năng: Xưởng sản xuất H₂O₂ là đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có chức năng tiếp nhận nguyên vật liệu, năng lượng, quản lý nhân sự và vận hành thiết bị của dây chuyền để sản xuất sản phẩm H₂O₂ theo kế hoạch đã được Giám đốc công ty phê duyệt.

➤ **Danh sách công ty mẹ của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:**

Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ cổ phần
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang	2400120344	5.423.000	64,56%

➤ **Danh sách công ty con của CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:** Không có

➤ **Danh sách những công ty mà CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:** Không có

➤ **Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:** Không có

5. Định hướng phát triển:

➤ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Củng cố hệ thống dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh hiệu quả sản xuất, khai thác tối ưu nguồn lực hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển thị trường.
- Thực hiện triệt để việc tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn sản xuất gắn với bảo vệ môi trường.

➤ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Hoàn thiện bộ máy tổ chức và hệ thống quản lý; làm chủ thiết bị công nghệ để phát triển trở thành doanh nghiệp có thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực Ôxy già.

➤ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo quy định. Thực hiện chương trình cải tiến thiết bị, công nghệ, hợp lý hoá sản xuất, sử dụng hiệu quả nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải nhằm sản xuất sạch hơn.

Mang lại giá trị thặng dư cao nhất cho Cổ đông, tạo lập cuộc sống ấm no cho Cán bộ nhân viên và góp phần làm tăng tổng giá trị thặng dư cho xã hội.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro về kinh tế

➤ **Lãi suất:** Cũng như các doanh nghiệp khác, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc cũng thường xuyên sử dụng một kênh huy động vốn truyền thống là tín dụng và chịu lãi suất sử dụng vốn vay, đặc biệt là vay tín dụng bằng đồng đô la mỹ (USD). Do đó, chỉ cần một sự biến động nhỏ về lãi suất trong chiến lược điều hành chính sách tiền tệ của Nhà nước cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính và lợi nhuận mà Công ty đạt được.

➤ **Tỷ giá hối đoái:** Khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất ô xy già công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50% Công ty phải nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên vật liệu từ nhà thầu nước ngoài, việc thanh toán các chi phí này được thực hiện bằng đồng USD nên Công ty cũng phải nhận nợ bằng đồng USD từ Ngân hàng để thanh toán cho nhà thầu, do đó mọi sự biến động về tỷ giá hối đoái – đặc biệt là tỷ giá đồng USD sẽ ảnh hưởng đến việc ghi nhận giá trị bằng đồng Việt Nam đối với các khoản vay nợ USD của Công ty.

6.2. Rủi do về giá

Giá Nguyên liệu đầu vào như khí Hydro nguyên liệu tiếp tục tăng so với năm 2019, giá một số hóa chất mua từ thị trường Trung Quốc vẫn ở mức cao;

Trong khi đó giá bán giảm do Giá Ôxy già nhập khẩu vào thị trường Việt Nam bắt đầu giảm mạnh từ tháng 12/2018;

6.3. Rủi ro đặc thù

Nguyên liệu chính để sản xuất ô xy già của Công ty là khí thải Hydro (H₂) từ quá trình tổng hợp Amoniac của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, đây là một thế mạnh của Công ty nhưng cũng là một rủi ro đặc thù vì nếu Công ty Cổ phần Phân Đạm và Hóa chất Hà Bắc ngừng máy sửa chữa hoặc khi xảy ra sự cố trong quá trình sản xuất thì Dây chuyền sản xuất ô xy già của Công ty sẽ phải ngừng hoạt động do không có nguồn khí tinh luyện (H₂) cung cấp cho sản xuất.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Tình hình đặc điểm:

a. Thuận lợi

➤ Số ngày đủ nguyên nhiên liệu, động lực để duy trì sản xuất là 305 ngày, xúc tác Paladi đưa vào sử dụng năm thứ 2 đáp ứng tốt cho sản xuất, năm 2020 là năm đầu tiên Công ty sản xuất đạt sản lượng công xuất thiết kế.

➤ Tỷ giá đồng Việt Nam so với đồng đô la Mỹ ổn định;

- Sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi.

b. Khó khăn

➤ Giá Ôxy già nhập khẩu vào thị trường Việt Nam tiếp tục giảm, giá nhập khẩu từ thị trường Băng La Đét rất thấp và do ảnh hưởng của dịch Covid-19, công tác tiêu thụ của Công ty gặp nhiều khó khăn;

➤ Số lần dừng máy, chạy lại máy nhiều lần do gián đoạn nguồn cung khí nguyên liệu hydro, hơi nước, điện đã ảnh hưởng lớn đến năng suất, sản lượng và định mức tiêu hao của dây chuyền sản xuất.

➤ Giá khí Hydro nguyên liệu năm 2020 tiếp tục tăng 4,2 tỷ đồng so với năm 2019, dây chuyền đi vào sản xuất hơn 8 năm đã phát sinh chi phí sửa chữa lớn, năm 2020 phải phân bổ chi phí sửa chữa lớn các năm trước là 5,296 tỷ đồng đã làm chi phí sản xuất tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2020	Thực hiện năm 2020	So với KH năm(%)
1	Giá trị tổng sản lượng	1000 đ	68.040.000	73.156.902	107,5
2	Sản lượng sản phẩm(Quy 50%)	Tấn	9.450	10.160	107,5
3	Nộp Ngân sách nhà nước	1000 đ	2.031.257	4.183.080	205,9
4	Doanh thu tiêu thụ	1000đ	78.256.500	74.145.485	94,7
5	Lợi nhuận trước thuế	1000đ	213.832	1.864.273	871,8
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	20,36	189	928,4
7	Cổ tức dự kiến	1000đ	0	0	

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành và cán bộ quản lý:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Hoàng Hưng	Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc
Bà Thân Thị Hà	Trưởng phòng Phòng Kế toán thống kê tài chính
Ông Trần Đức Tuấn	Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính
Ông Lê Thanh Hiếu	Trưởng phòng Nghiệp vụ tổng hợp
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp
Ông Hoàng Văn Hùng	Giám đốc Xưởng sản xuất
Ông Nguyễn Quang Tuấn	Trưởng phòng- Phòng Thị Trường
Bà Nguyễn Thu Hằng	Phụ trách phòng- Phòng Tổ chức Hành chính

(1) Ông Phạm Hoàng Hưng - Giám đốc Công ty:

Họ và tên	Phạm Hoàng Hưng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	27/05/1972
Nơi sinh	Huyện Mùong Tè, Tỉnh Lai Châu
CMND/ Hộ chiếu	145410250
Ngày cấp/Ngày hết hạn	29/6/2007
Nơi cấp	CA. Hưng Yên
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 494- đường Nguyễn Văn Linh- Thành phố Hưng Yên - Tỉnh Hưng Yên.
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư hóa vô cơ/ Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ T6/1994 đến T3/1995	Làm công nhân cơ khí Xưởng sửa chữa 605, Công ty TNHH một thành viên Phê Đạm và Hóa Chất Hà Bắc.

Từ T4/1995 đến T3/1999	Học tại trường Đại Học Bách Khoa Hà Nội.
Từ T3/1999 đến T7/1999	Tập sự Kỹ thuật viên công nghệ tại Xưởng Tạo khí, Công ty TNHH một thành viên Phân Đạm và Hóa Chất Hà Bắc.
Từ T8/1999 đến T10/1999	Tập sự Kỹ thuật viên công nghệ tại Xưởng NH ₃ , Công ty TNHH một thành viên Phân Đạm và Hóa Chất Hà Bắc.
Từ T11/1999 đến T1/2001	Tập sự Trưởng ca công ty tại Phòng Điều độ sản xuất, Công ty TNHH một thành viên Phân Đạm và Hóa Chất Hà Bắc.
Từ T2/2001 đến T9/2010	Trưởng ca Công ty Phòng Điều độ sản xuất, Công ty TNHH một thành viên Phân Đạm và Hóa Chất Hà Bắc.
Từ 05/2010 đến 10/2014	Bí thư chi bộ phòng Điều độ sản xuất, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
Từ T10/2010 đến T10/2014	Phó trưởng phòng, Phòng Điều độ sản xuất, Công ty TNHH một thành viên Phân Đạm và Hóa Chất Hà Bắc.
Từ T10/2014 đến T2/2016	Phó giám đốc, Phụ trách Xưởng Amôniac 2, Công ty TNHH một thành viên Phân Đạm và Hóa Chất Hà Bắc.
Từ T10/2014 đến T2/2016	Bí thư chi bộ Xưởng Amôniac 2, Công ty TNHH một thành viên Phân Đạm và Hóa Chất Hà Bắc
Từ T6/2016 đến nay	Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 15/2/2016 đến 17/3/2016	Phó giám đốc Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.
Từ 18/3/2016 đến nay	Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.
Từ T4/2016 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.
Từ T05/2016 đến nay	Bí thư chi bộ Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.

Chức vụ tại công ty	Thành viên Hội đồng quản trị -Giám đốc Công ty
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	1.139.40 cổ phần
-Đại diện sở hữu	1.139.040 cổ phần, chiếm 13,56% vốn điều lệ. Trong đó:
+ CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	1.139.40 cổ phần, chiếm 13,56% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

(2) Nguyễn Thế Hùng – Phó Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Thế Hùng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/4/1968
Nơi sinh	Huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, Việt Nam
CMND/ Hộ chiếu	121559947
Ngày cấp/Ngày hết hạn	21/6/2002
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam

Địa chỉ thường trú Số nhà 68 đường Cô Giang, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
năm 1991 đến năm 1995	Kỹ thuật viên tại Nhà máy cơ khí, xí nghiệp liên hợp phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
năm 1995 đến năm 2000	Quản đốc phân xưởng Giấy đế thuộc Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Tổng hợp II thuộc Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
năm 2000 đến năm 2004	Giám đốc Xí nghiệp Giấy đế thuộc Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
năm 2004 đến năm 2005	Giám đốc Công ty Cổ phần Hòa Bình
năm 2005 đến năm 2010	Chuyên viên phòng Đầu tư Xây dựng thuộc Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm Và Hóa chất Hà Bắc
năm 2010 đến nay	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty	Phó Giám đốc
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,048% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,048% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

Chức vụ tại tổ chức khác	Không
Tổng số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	0 cổ phần
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

(4) Ông Trần Đức Tuấn - Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính:

Họ và tên	Trần Đức Tuấn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	15/7/1961
Nơi sinh	Hải Phòng
CMND/ Hộ chiếu	120011416
Ngày cấp/Ngày hết hạn	11/11/2005
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 315 Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 01/1986 - 12/1988	CNVH Điện, NM Nhiệt điện, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc

Từ 01/1989 - 07/1997	Trưởng kíp VH Điện, NM Nhiệt điện, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 8/1997 - 04/2000	Kế toán tổng hợp, NM Nhiệt điện, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 05/2000 - 04/2010	Chuyên viên LĐTL, phòng TCNS, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 05/2010 - 09/2011	Phó phòng, Phụ trách phòng TCHC, Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
Từ 10/2011 – T10/2020	Trưởng phòng TCHC, Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty

Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	11.155 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,133% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	11.155 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,133% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

(5) Ông Lê Thanh Hiếu - Trưởng phòng Nghiệp vụ tổng hợp:

Họ và tên	Lê Thanh Hiếu
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	22/8/1961
Nơi sinh	Lâm Thao, Phú Thọ
CMND/ Hộ chiếu	120015814

Ngày cấp/Ngày hết hạn	17/5/2005
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 37 khu phố Hà Vị 1, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế kỹ thuật
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ năm 1982 - 1986	Bộ đội thuộc E51 – Quân khu I
Từ năm 1986 - 1993	Công nhân cơ khí, nhà máy cơ khí hóa chất Hà Bắc
Từ năm 1993 - 2008	Chuyên viên Kế hoạch tại phòng kế hoạch Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ năm 2008 đến nay	Trưởng phòng Nghiệp vụ Tổng hợp Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.

Chức vụ tại công ty	Trưởng phòng NVTH
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	3.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,042% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	3.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,042% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

(6) Ông Nguyễn Văn Tuân - Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp:

Họ và tên	Nguyễn Văn Tuân
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/9/1971
Nơi sinh	Xã Hồng Thái, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình
CMND/ Hộ chiếu	122029516
Ngày cấp/Ngày hết hạn	12/12/2008
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	K41 - Công viên Hoàng Hoa Thám, Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư hóa
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 1992 - 1993	Công nhân Xưởng Tạo khí, Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 1993 - 1996	Học tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội
Từ 1996 - 2007	Trưởng ca Công ty, Phòng Điều độ sản xuất, Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2007 - 2008	Kỹ thuật viên, Phòng kỹ thuật Công nghệ, Công ty TNHH 1TV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2008 - 2010	Kỹ thuật viên, Phòng Kỹ thuật tổng hợp, Công ty cổ phần Hóa Chất Hưng phát Hà Bắc
Từ 2010 - nay	Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật tổng hợp, Công ty cổ phần Hóa Chất Hưng phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty Trưởng phòng KTTH

Chức vụ tại tổ chức khác Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ	700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

(7) Ông Hoàng Văn Hùng - Giám đốc Xưởng sản xuất:

Họ và tên	Hoàng Văn Hùng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	09/3/1967
Nơi sinh	Tân Mỹ, Thành phố Bắc Giang, T. Bắc Giang
CMND/ Hộ chiếu	120926352
Ngày cấp/Ngày hết hạn	3/11/2005
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 125- Đường 398- Tân Mỹ - TP Bắc Giang – T. Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư công nghệ hóa học
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 1991 – 1/1998	Trưởng ca Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc)

Từ 1/1998 – 8/1998	Phó quản đốc Xưởng giấy, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc)
Từ 8/1998 - 2005	Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh, Công ty Xăng dầu khu vực 1
Từ 2005 - 2010	Chuyên viên Phòng KTCN, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2010 - Nay	Giám đốc xưởng sản xuất, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty	Giám đốc xưởng SX
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	2.636 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	2.636 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

(8) Ông Nguyễn Quang Tuấn – Trưởng phòng, Phòng Thị Trường:

Họ và tên	Nguyễn Quang Tuấn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/02/1963
Nơi sinh	TP Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
CMND/ Hộ chiếu	120014249
Ngày cấp/Ngày hết hạn	22/11/2005

Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 235, Đường Nguyễn Thị Lưu 2, Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 1981 – 1986	Công nhân xưởng Nhiệt, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 1986 – 1993	Công nhân xưởng sản xuất tổng hợp, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 1993 - 2008	Nhân viên phòng Thị trường, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2008 – 7/2010	Nhân viên Phòng NVTH, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
Từ 7/2010 – 3/2013	Phó phòng, Phòng NVTH, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
Từ 3/2013 – T3/2020	Phó phòng, Phụ trách phòng thị trường, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
Từ T3/2020- Nay	Trưởng phòng Phòng thị trường, Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty	Trưởng phòng Phòng thị trường
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	5.680 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,068% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	5.680 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,068% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có

Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

(9) Bà Nguyễn Thu Hằng – Phụ trách phòng- Phòng Tổ chức hành chính:

Họ và tên	Nguyễn Thu Hằng
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	29/11/1989
Nơi sinh	TP Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
CMND/ Hộ chiếu	121844183
Ngày cấp/Ngày hết hạn	03/11/2005
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 146- Đường Quách Nhẫn – Phường Xương Giang- TP Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân ngoại ngữ
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 2013 – T10/2020	Nhân viên phòng Tổ chức hành chính, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
Từ T11/2020- đến nay	Phụ trách phòng - phòng Tổ chức hành chính, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty	Trưởng phòng Phòng thị trường
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

➤ **Những thay đổi trong Ban điều hành:** Bà Nguyễn Thu Hằng được giao nhiệm vụ Phụ trách Phòng Tổ chức hành chính từ T11/2020.

➤ **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Số lượng người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2020 là 59 người.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ trợ cấp mất việc làm, quỹ phúc lợi thăm hỏi động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống,... Các Tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn và tổ chức Đoàn thanh niên của Công ty cũng luôn được quan tâm xây dựng và không ngừng phát triển.

Công ty đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho toàn bộ cán bộ công nhân viên có hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên.

Hàng năm Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

Công ty có chính sách khuyến học đối với cán bộ công nhân viên. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được vừa làm vừa học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Công ty TNHH Tư vấn thuế, kế toán và kiểm toán AVINA-IAFC đã phát hành các Báo cáo kiểm toán quyết toán Dự án hoàn thành. Ngày 24/12/2014, HĐQT đã phê duyệt quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50%.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm năm 2020 so với 2019
1. Tổng tài sản (cuối kỳ)	153.966.798.517	145.956.704.566	-5,20%
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	75.667.770.422	74.255.739.039	-1,87%
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.769.336.090	1.863.946.384	-50,55%
4. Lợi nhuận khác	-6.161.455	326.400	-105,30%
5. Lợi nhuận trước thuế	3.769.336.090	1.864.272.784	-50,54%
6. Lợi nhuận sau thuế	2.987.039.708	1.588.154.594	-46,83%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
		2019	2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-Hệ số thanh toán ngắn hạn (tại thời điểm 31/12) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	3,01	3,93
-Hệ số thanh toán nhanh (tại thời điểm 31/12) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	2,23	2,92
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-Hệ số Nợ/Tổng tài sản (tại thời điểm 31/12)	Lần	0,35	0,31
-Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	Lần	0,53	0,46
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	10,53	8,82
-Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	0,49	0,51
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,04	0,02
-Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	%	0,03	0,02
-Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,02	0,011

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
		2019	2020
-Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / DTT	%	0,05	0,03

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 8.400.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.400.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông:

➤ Cơ cấu cổ đông của Công ty (tại thời điểm ngày 31/12/2020):

TT	Danh mục	1.000 đồng	Tỷ lệ (%)
A	Tổng vốn chủ sở hữu:	84.000.000	100
1	- Cổ đông sáng lập:	69.828.000	83,13
2	- Cổ đông lớn (*):	69.828.000	83,13
3	- Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	13.172.000	15,68
4	- Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	1.000.000	1,19
B	Trong đó:	84.000.000	100
1	Trong đó:	54.230.000	64,56
2	- Nhà nước:		
3	- Người nước ngoài:	900	0,01
	- Người Việt Nam khác (không gồm Nhà nước):	29.769.100	35,43

➤ Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty (tại thời điểm ngày 31/12/2020):

TT	Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
	Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang	2400120344	5.423.000	64,56%
	CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh	Khối I, TT Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội	0101328911	999.800	11,90%
	CTCP Tập đoàn Tân Long	Tầng 14-Tòa nhà Diamond Flower- Số 48- Đường Lê Văn Khương- KĐT mới N2- Nhân Chính - Thanh xuân - HN	0102014919	560.000	6,67%

➤ Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:

TT	Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
	CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang	2400120344	2.856.000	51,00%
	CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh	Khối I, TT Đông Anh, Huyện Đông Anh, HN	0101328911	560.000	10,00%
	CTCP Hóa chất Công nghiệp Tân Long	Phòng 810 Nhà 18T2, chung cư Trung Hòa, Nhân Chính, P.Nhân Chính, Thanh Xuân, HN	0102014919	560.000	10,00%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh

a. Kết quả sản xuất kinh doanh:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2020	Thực hiện năm 2020	So với (%)	
					KH năm	TH 2019
*	Thời gian sản xuất	Ngày	289	305	105,5	104,8
I	Sản lượng sản phẩm					
1	Sản lượng sản xuất (Quy 50%)	tấn	9.450	10.160,7	107,5	111,8
2	Sản lượng tiêu thụ (Quy 50%)		9.450	9.860,6	104,3	107,4
II	Giá trị tổng sản lượng	1000 đ	68.040.000	73.156.902	107,5	111,8
III	Nộp Ngân sách nhà nước	1000 đ	2.031.257	4.183.080	205,9	46,2
IV	Giá trị sửa chữa lớn	1000 đ	17.113.892	5.296.232	30,9	101,9
	<i>Trong đó: phân bổ 2020</i>		<i>6.757.513</i>	<i>5.296.232</i>	<i>78,4</i>	<i>101,9</i>
V	Giá trị tiết kiệm định mức	1000 đ	284.432	3.356.187	1.180	127,4
VI	Lao động tiền lương					
1	Tổng số lao động BQ năm	người	68	60	88,4	98,5
1.1	Cán bộ quản lý	người	3	3	100	100
1.2	Người lao động	người	65	57	87,7	98,3
2	Tổng quỹ lương theo đơn giá	1000 đ	5.316.244	5.714.820	107,5	94,8
3	Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	6.815.697	8.355.000	122,6	96,5
VII	Doanh thu bán hàng H2O2	1000 đ	78.256.500	74.145.485	94,7	98,1
VIII	Lợi nhuận trước thuế	1000 đ	213.832	1.864.273	871,8	49,5
IX	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ/CP	20,36	189	928,4	53,2

b. Công tác điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức, chất lượng sản phẩm:

Trong năm đã duy trì sản xuất 305 ngày, ngừng sản xuất 61 ngày với 23 lần dừng và chạy lại máy, trong đó có 18 lần dừng máy với tổng số 57,7 ngày do không có khí nguyên liệu hydro, điện, hơi nước, 05 lần ngừng máy với tổng số là 3,3 ngày để tái sinh xúc tác và sửa chữa thiết bị của Công ty.

Công tác quản lý công nghệ: Công nghệ sản xuất của Công ty được duy trì ổn định, quản lý tốt chất lượng dịch công tác, thường xuyên duy trì hàm lượng EAQ hữu hiệu trong dịch công tác đạt trên 130 g/lít, trong đó H4EAQ đạt trên 50g/lít tạo thuận lợi cho không chế hiệu suất hydro hóa đạt 6,5 – 6,8 g/lít, dây chuyền sản xuất đạt và vượt công suất thiết kế, chất lượng sản phẩm tốt, ổn định. Sau gần 2 năm đưa vào sản xuất xúc tác vào sản xuất, khi hiệu suất phản ứng giảm, Công ty tiến hành tái sinh xúc tác. Sau khi tái sinh xúc tác tiếp tục phát huy hiệu quả tốt.

Công tác quản lý thiết bị: Thường xuyên, định kỳ tiến hành công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị. Trong năm 2020 đã tiến hành bảo dưỡng thay ga, thay dầu thiết bị làm lạnh nước M3401B, trung tu máy nén khí AtlasCopco, sửa chữa máy tua bin giãn nở, định kỳ thay túi lọc các bộ lọc, thay dầu máy nén khí ly tâm, bảo dưỡng các động cơ điện, hiệu chỉnh các van và định vị van điều tiết, sơn phòng mục đường ống, lan can, sàn thao tác. Công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị được thực hiện vào các đợt ngừng máy của Công ty Đảm bảo tiến độ, chất lượng, riêng máy nén khí SAMSUNG Công ty đã mời chuyên gia của hãng đến kiểm tra xong đến nay lỗi bỏ tải vẫn chưa được khắc phục triệt để.

Công tác sửa chữa lớn: Do làm tốt công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị mà trong năm 2020 các hạng mục thiết bị đến chu kỳ cần phải đưa vào sửa chữa lớn vẫn đáp ứng cho sản xuất. Việc không phát sinh chi phí sửa chữa lớn năm 2020 đã góp phần làm giảm chi phí, mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

Công tác quản lý định mức tiêu hao năm 2020: Duy trì ổn định các chỉ tiêu công nghệ khi chạy máy, định kỳ phân tích thành phần dịch công tác để bổ sung hóa chất kịp thời nhằm duy trì chất lượng dịch công tác, xúc tác Paladi và bộ lọc màng Hydro cấp 1 trạm tinh chế Hydro đưa vào sản xuất từ năm 2018 đến nay vẫn phát huy hiệu quả cao là những nguyên nhân chính làm định mức tiêu hao trong quá trình sản xuất của Công ty năm 2020 giảm so với kế hoạch được giao. Giá trị tiết kiệm do giảm định mức tiêu hao năm 2020 so với kế hoạch Hội đồng quản trị giao là 3,356 tỷ đồng, trong đó tiết kiệm do giảm định mức khí H₂ nguyên liệu, điện và hơi nước là 3,121 tỷ đồng, góp phần làm cho sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi.

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Sản phẩm Ôxy già của Công ty sản xuất ra luôn đạt chất lượng theo tiêu chuẩn TCCS 01:2011/HPCO đã công bố. Sản phẩm đáp ứng chất lượng cho các ngành sản xuất giấy, dệt may và xử lý môi trường và đã có đơn vị sử dụng trong ngành điện tử. Phối hợp cùng các nhà phân phối giải đáp các kiến nghị của người sử dụng về chất lượng sản phẩm, đã tạo được niềm tin về chất lượng sản phẩm của Công ty với người sử dụng.

c. Công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm:

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, giá Ôxy già nhập khẩu vào Việt Nam liên tục giảm và giảm mạnh nhất vào tháng 4 năm 2020, nguồn cung Ôxy già từ thị trường Trung Quốc, Đài Loan và Băng La Đét tăng với giá giảm sâu so với Ôxy già Thái lan và Hàn Quốc. Một số hộ sử dụng Ôxy già với lượng lớn đã giảm sản lượng mua của công ty để mua từ các nhà nhập khẩu Ôxy già trong nước đã ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ sản phẩm của Công ty, làm cho sản phẩm tồn kho cuối quý II, đầu quý III tăng cao. Công ty đã cùng nhà phân phối triển khai nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm như tìm kiếm thêm hộ sử dụng Ôxy già để bán hàng, áp dụng các mức giá bán hợp lý với từng khách hàng, điều chỉnh giá bán để thuyết phục các đơn vị sử dụng lượng lớn tiếp tục sử dụng sản phẩm sản xuất trong nước và triển khai bán hàng tại thị trường Miền Nam. Kết quả công tác tiêu thụ sản phẩm của công ty đã ổn định, đảm bảo duy trì sản xuất không phải dừng máy do không có kho chứa.

Trong năm 2020 đã tiêu thụ được 9.860,6 tấn Ôxy già quy nồng độ 50% đạt 104,3 % so với kế hoạch năm và bằng 107,4% so với thực hiện năm 2019, giá bán sản phẩm quy 50% bình quân năm đạt 7.519 đồng/kg bằng 90,8% so với kế hoạch năm và bằng 91,4 % so với năm 2019. Doanh thu sản phẩm Ôxy già đạt 74,145 tỷ đồng bằng 94,7 % so với kế hoạch và bằng 98,1% so với năm 2019. Công tác tiêu thụ sản phẩm của Công ty đã ổn định.

d. Công tác tổ chức sản xuất, quản lý lao động, tiền lương và đào tạo

Việc tổ chức sản xuất và bố trí lao động của Công ty gặp khó khăn do phải dừng máy nhiều lần, tổng số lao động của Công ty đến 31/12/2020 là 59 người, giảm 03 người so với năm 2019, Công ty đã đăng thông báo tuyển dụng nhiều lần xong không tuyển dụng thêm được lao động có ngành nghề đào tạo theo yêu cầu. Quỹ lương sản phẩm của người lao động năm 2020 đạt 5,714 tỷ đồng bằng 94,8% so với năm 2019.

Trong điều kiện thiếu lao động, nhiều cương vị phải làm việc ở chế độ 3 ca 3 kíp, phải làm thêm giờ điền khuyết các cương vị thiếu người, tiền lương sản phẩm bình quân của người lao động Công ty năm 2020 đạt 8,355 triệu đồng/người/tháng bằng 94,8% so với năm 2019.

Tiếp tục chương trình đào tạo, luôn chuyển cương vị để một người có thể đảm nhận được một số cương vị trong dây chuyền để thay thế nhau khi có người nghỉ.

e. Công tác kế hoạch, quản lý cung ứng vật tư, quản lý giá bán sản phẩm và tài chính

Công tác kế hoạch: Công ty đã lập Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm và được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt và thông qua tại Đại Hội đồng cổ đông công ty. Kế hoạch hàng tháng, quý được xây dựng sát với thực tế từng thời điểm và được ban hành để triển khai thực hiện.

Công tác quản lý vật tư: Để tăng cường công tác quản lý vật tư đầu vào cho sản xuất, Công ty đã soạn thảo sửa đổi bổ sung Quy định mua vật tư đã ban hành trước đây, trình Hội đồng quản trị Công ty ban hành Quy chế mua vật tư, ban hành Quy

định vật tư dự phòng tối đa, tối thiểu, phù hợp với tình hình trong giai đoạn hiện nay. Duy trì số lượng vật tư tồn kho hợp lý đáp ứng đủ cho sản xuất. Việc quản lý giá vật tư đầu vào đã được thực hiện tốt, đúng quy chế mua vật tư của Công ty. Việc cấp phát vật tư cho sản xuất thực hiện theo đúng quy định cấp phát vật tư trong Công ty. Vật tư đã qua sử dụng được thu hồi phân loại, vật tư thu hồi Công ty không có nhu cầu sử dụng được bán thu hồi vốn, năm 2021 đã bán thu hồi được 110,555 triệu đồng.

Công tác quản lý giá bán sản phẩm: Thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình nhập khẩu Ôxy già giúp cho Công ty xác định được giá bán hợp lý. Trong năm 2020, Hội đồng giá công ty đã họp 7 lần để điều chỉnh giá bán sản phẩm và cơ chế bán hàng phù hợp với từng thời điểm và từng khách hàng. Xây dựng và có chính sách giá bán sản phẩm Ôxy già các loại nồng độ hợp lý để bán hàng và cạnh tranh với các nhà nhập khẩu.

Công tác quản lý tài chính:

Công ty không có các khoản nợ phải thu khó đòi và nợ phải trả quá hạn; thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ nộp thuế, nộp ngân sách nhà nước.

Trong năm 2020, Công ty đã linh hoạt cân đối nguồn vốn để trả gốc vay vốn đầu tư cho các ngân hàng là 375.608 Đôla Mỹ tương đương 8,77 tỷ đồng, giảm mức dư nợ vốn đầu tư đầu từ 1,976 triệu Đô la Mỹ xuống còn 1,601 triệu Đô la Mỹ, duy trì ổn định dòng tiền cho sản xuất kinh doanh mà không phải vay vốn lưu động làm giảm chi phí lãi vay, góp phần hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2020 mà Hội đồng quản trị công ty giao.

2. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2020	31/12/2020	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
Tài sản	153.967	145.957	-8.010	30,06%
- Tài sản ngắn hạn	23.281	33.533	10.252	44,04%
- Tài sản dài hạn	130.686	112.424	-18.262	-13,97%
Nguồn vốn	153.967	145.957	-8.010	-14,90%
- Nợ phải trả	53.662	45.685	-7.977	-14,87%
- Vốn chủ sở hữu	100.305	100.272	-33	-0,03%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty áp dụng hệ thống quản lý đơn giản hóa về các thủ tục hành chính cho nội bộ Công ty cũng như khách hàng, công việc được thực hiện bằng các quy định cụ thể. Đồng thời, Công ty cũng đã thực hiện kiện toàn quy định, quy chế làm việc, củng cố đội ngũ cán bộ, nhân viên, đầu tư trang thiết bị làm việc để nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc.

Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao chế độ chính sách chăm lo đời sống cho cán bộ, nhân viên, xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	So với TH 2020 (%)
*	Thời gian sản xuất	Ngày	282	92,5
I	Sản lượng sản phẩm			
1	Sản lượng sản xuất (Quy 50%)	tấn	9.400	92,5
2	Sản lượng tiêu thụ (Quy 50%)	tấn	9.400	95,3
II	Giá trị tổng sản lượng	1000 đ	67.680.000	92,5
III	Nộp Ngân sách nhà nước	1000 đ	2.684.083	64,2
IV	Giá trị sửa chữa lớn	1000 đ	10.403.111	196,4
	<i>Trong đó: Phân bổ vào giá thành</i>		<i>6.375.512</i>	<i>120,4</i>
V	Giá trị tiết kiệm định mức	1000 đ	438.110	13,1
VI	Lao động tiền lương			
1	Tổng số lao động	người	68	113,2
1.1	Cán bộ quản lý	người	3	100,0
1.2	Người lao động	người	65	114,0
2	Tổng quỹ lương người lao động	1000 đ	5.724.401	100,2
3	Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	7.338.976	87,8
VII	Doanh thu tiêu thụ Ôxy già	1000đ	74.180.000	100,0
VIII	Lợi nhuận trước thuế	1000đ	310.715	16,7
IX	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	30	15,7

4.2. Các giải pháp thực hiện:

a. Công tác điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức:

➤ Khai thác tốt năng lực sản xuất của dây chuyền, chỉ đạo điều hành sản xuất linh hoạt, tận dụng tối đa quỹ thời gian có đủ các điều kiện đầu vào để duy trì sản xuất đạt sản lượng cao nhất.

➤ Định kỳ kiểm tra chất lượng dịch công tác, bổ sung hóa chất kịp thời pha chế dịch công tác đảm bảo yêu cầu thành phần, chất lượng dịch công tác theo tư vấn của Nhà sản xuất và cung cấp xúc tác cho Công ty nhằm đạt sản lượng cao nhất, chất lượng sản phẩm tốt nhất. Cấp phát vật tư cho sản xuất thực hiện đúng theo định mức được duyệt và quy trình cấp phát vật tư của Công ty, thường xuyên kiểm tra hệ thống đo lường đảm bảo phản ánh trung thực số liệu tiêu hao để phục vụ cho điều hành sản xuất và hạch toán nội bộ.

➤ Công tác sửa chữa lớn: Tập trung chỉ đạo triển khai lập phương án và lên kế hoạch mua vật tư, đặc biệt chú trọng đến việc cân đối nguồn vốn để triển khai mua 1 tấn xúc tác Paladi và vật tư phục vụ đại tu máy nén khí SAMSUNG. Kết hợp với các đợt dừng máy sửa chữa theo kế hoạch của Công ty Đạm để triển khai thực hiện, tận dụng tối đa số ngày có đủ điều kiện đầu vào để duy trì sản xuất.

➤ Tiếp tục rà soát và lập nhu cầu vật tư dự phòng cho sản xuất để triển khai mua, đặc biệt là vật tư dự phòng thay thế cho các thiết bị động, đơn chiếc phải mua chính hãng của nhà sản xuất hoặc mua ở thị trường nước ngoài.

➤ Làm tốt công tác duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị theo kế hoạch, không để xảy ra sự cố do chủ quan.

b. Công tác tiêu thụ:

➤ Tiếp tục tìm kiếm và phát hiện các đơn vị có nhu cầu sử dụng Ôxy già mới ở khu vực Miền Bắc, thống kê nhu cầu sử dụng, xúc tiến chào hàng và hỗ trợ các nhà phân phối tiếp cận để bán hàng.

➤ Đôn đốc các Nhà phân phối ở Miền Nam có chi nhánh ở Miền Bắc mở rộng tiêu thụ sản phẩm Ôxy già ở thị trường Miền Bắc.

➤ Ưu tiên tiêu thụ sản phẩm loãng và sản phẩm tiêu thụ ở thị trường Miền Bắc để phát triển thị trường Miền Bắc.

➤ Duy trì việc cập nhật thông tin về nhập khẩu Ôxy già để có chính sách giá bán linh hoạt, phù hợp với giá thị trường.

c. Công tác kế hoạch, vật tư, tài chính

➤ Năm bắt, cập nhật diễn biến giá cả vật tư, chế độ chính sách của Nhà nước để xây dựng kế hoạch sát với thực tế nhằm điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

➤ Cân đối đảm bảo vật tư cho sản xuất với việc hạn chế tối đa lượng tồn kho, thực hiện tốt quy định tồn kho tối đa tối thiểu. Kiểm soát giá mua vật tư theo đúng Quy chế mua vật tư của Công ty.

➤ Theo phương án trả nợ gốc vốn vay đầu tư, trong năm 2021 Công ty trả nợ gốc vay vốn đầu tư cho các ngân hàng là 593.059 Đôla Mỹ tương đương 13,77 tỷ đồng, giảm mức dư nợ vốn đầu tư đầu từ 1,601 triệu Đô la Mỹ xuống còn 1,008 triệu Đô la Mỹ. Tiếp tục cân đối dòng tiền đảm bảo cho sản xuất và sửa chữa lớn năm 2021.

➤ Tiếp tục phối hợp với Công ty Mẹ triển khai thực hiện thoái vốn hiện đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.

d. Công tác tổ chức sản xuất, quản lý lao động, tiền lương và đào tạo

➤ Tiếp tục chương trình đào tạo để một người có thể vận hành thành thạo được một vài cương vị sản xuất khác nhau, điền khuyết khi có người nghỉ, triển khai đào tạo nâng cao cho người lao động bậc cao vào các đợt thi nâng bậc;

➤ Ưu tiên tuyển bổ sung số công nhân vận hành hóa có chất lượng, đúng ngành nghề đào tạo để đảm bảo số lao động cần thiết duy trì sản xuất liên tục. Trong trường hợp không tuyển được sẽ tuyển lao động vào để đào tạo tại chỗ, đạt yêu cầu thì tuyển dụng. Phân đấu đảm bảo ổn định đời sống và thu nhập cho người lao động để họ yên tâm công tác. Trong trường hợp thời gian ngừng máy do không đủ điều kiện đầu vào để duy trì sản xuất sẽ bố trí cho người lao động nghỉ chế độ như nghỉ bù, nghỉ phép và cuối cùng là nghỉ chờ việc.

➤ Duy trì kiểm tra kỷ luật lao động và nội quy của Công ty, xử lý nghiêm khắc với các trường hợp vi phạm.

e. Công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh môi trường:

➤ Hàng quý, triển khai quan trắc môi trường, ký hợp đồng xử lý chất thải nguy hại và rác thải sinh hoạt, triển khai tập huấn công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy, cấp phát bảo hộ lao động, trang bị an toàn cho người lao động theo đúng quy định.

➤ Năm 2021, Công ty tiếp tục phấn đấu sản xuất kinh doanh đạt kế hoạch sản lượng mà Hội đồng quản trị và cổ đông Công ty giao, sản xuất kinh doanh an toàn, ổn định với năng suất, chất lượng cao, phấn đấu bảo toàn vốn góp đầu tư của cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và trả gốc, lãi vay đầu tư cho các Ngân hàng.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có giải trình vì không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

Xem chi tiết ở phụ lục đính kèm (Báo cáo của Hội đồng quản trị)

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: HĐQT gồm 5 người trong đó có 4 thành viên không điều hành. Không có thành viên HĐQT độc lập.

TT	Họ và tên	Số CP cá nhân năm giữ	Số CP cá nhân đại diện	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)
1	Chu Anh Dũng Chủ tịch HĐQT		2.520.000	2.520.000	30,00
2	Nguyễn Tổng Luận Thành viên HĐQT	3.093	1.764.000	1.767.093	21,037
3	Phạm Hoàng Hưng Thành viên HĐQT		1.139.000	1.139.000	13,56
4	Nguyễn Thị Thanh Vân Thành viên HĐQT		560.000	560.000	6,667
5	Nguyễn Minh Toàn Thành viên HĐQT		999.800	999.800	11,902
	Tổng cộng	3.093	6.982.800	6.985.893	83,166

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:

Các thành viên HĐQT không điều hành đã làm đúng chức năng của mình.

1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

TT	Họ và tên	Số CP cá nhân năm giữ	Số CP cá nhân đại diện	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thu Nga Trưởng ban kiểm soát	151		151	0,002
2	Lê Thanh Hiếu Thành viên Ban kiểm soát	3.500	0	3.500	0,042
3	Bùi Anh Tuấn Thành viên Ban kiểm soát	0	0	0	0
	Tổng cộng	3.500	0	3.500	0,042

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Xem phụ lục đính kèm (Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát)

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Chủ tịch HĐQT thù lao là: 3.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT thù lao là: 2.000.000 đồng/tháng
- Trưởng ban kiểm soát thù lao là: 1000.000 đồng/tháng
- Thư ký HĐQT thù lao là: 800.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS thù lao là: 800.000 đồng/tháng.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng theo thông tư số Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính.

VI. Báo cáo tài chính:

Xem phụ lục: Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

Nơi nhận:

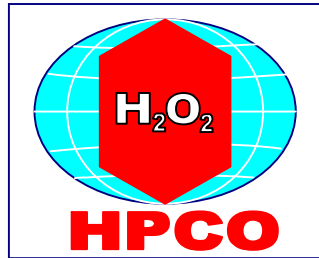
- UBCKNN; SGDCCKHN;
- Lưu: P.KTTKTC.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC**



Phạm Hoàng Hưng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC**



**PHỤ LỤC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020
VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021**

Bắc Giang, năm 2021

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

I- KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020

1. Tình hình chung

Thuận lợi:

Dây chuyền thiết bị sản xuất hoạt động ổn định, số lần phải ngừng máy do không có nguyên liệu đầu vào giảm so với năm 2019 đã tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất; quản lý chặt chẽ việc bổ sung hóa chất, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị; định mức tiêu hao thực hiện bằng hoặc thấp hơn kế hoạch; sau 9 năm nhà máy đi vào sản xuất, đây là năm đầu tiên công ty chạy máy đạt công suất thiết kế 10.000 tấn/năm, sản lượng đạt cao 33,31 tấn/ngày; chất lượng sản phẩm ổn định đạt tiêu chuẩn đăng ký; các điều kiện công nghệ ổn định, xúc tác thay thế bổ sung đã làm việc ổn định hiệu suất cao, phát huy tốt công suất thiết bị khi chạy máy.

Đội ngũ lao động trong dây chuyền đã dần làm chủ thiết bị và công nghệ, chủ động trong vận hành sản xuất. Kết quả sản xuất- kinh doanh của Công ty tiếp tục có lợi nhuận, đời sống của người lao động ổn định nên an tâm công tác, năng suất lao động được nâng cao.

Tỷ giá đồng Việt nam /Đô la Mỹ ổn định; sản phẩm của Công ty vẫn giữ được thị trường và tiếp tục mở rộng.

Khó khăn:

Tài chính: Chi phí lãi vay vốn đầu tư còn lớn; giá nguyên liệu tiếp tục tăng, đặc biệt là giá khí Hydro năm 2020 tăng thêm 4,2 tỷ đồng so với năm 2019 và năm 2020 phải chịu chi phí phân bổ sửa chữa lớn những năm trước là 5,29 tỷ đồng, đó là những yếu tố làm cao làm tăng giá thành sản phẩm, giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, một số ngành nghề phải giảm năng lực, ngưng trệ sản xuất, song song với đó là giá Oxy giá nhập khẩu giảm, gây khó khăn cho Công ty trong điều chỉnh giá bán và tiêu thụ sản phẩm, lượng tồn kho những tháng cuối năm ở mức cao, giá bán bình quân không đạt kỳ vọng theo kế hoạch năm.

Trước những khó khăn và thách thức đó, Hội đồng quản trị đã cùng Ban điều hành Công ty chủ động nắm bắt tình hình, chỉ đạo sát sao, đưa ra các định hướng, chính sách kinh doanh đúng đắn và ra các quyết định chỉ đạo đưa Công ty vượt qua khó khăn, để hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty hoàn thành các mục tiêu đề ra.

2. Công tác chỉ đạo điều hành:

a. Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	34/QĐ-HPCO	19/02/2020	QĐ ban hành quy chế thưởng ban quản lý điều hành Công ty
2	76a/QĐ-HPCO	12/5/2020	QĐ kế hoạch tổ chức Đại hội và thành lập ban tổ chức ĐHCĐ năm 2020
3	100/QĐ-HPCO	11/6/2020	QĐ ban hành Kế hoạch SXKD năm 2020
4	101/QĐ-HPCO	11/6/2020	QĐ giao kế hoạch định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu trong sản xuất năm 2020
5	102/QĐ-HPCO	11/6/2020	QĐ ban hành kế hoạch đơn giá tiền lương kinh doanh năm 2020
6	111/QĐ-HPCO	06/7/2020	QĐ chi thưởng ban quản lý điều hành Công ty năm 2019
7	115/QĐ-HĐQT	10/7/2020	QĐ lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020
8	156/QĐ-HPCO	21/9/2020	QĐ ban hành quy chế mua vật tư
9	185/QĐ-HPCO	16/10/2020	QĐ ban hành quy chế quản lý nợ
10	201/QĐ-HPCO	28/10/2020	QĐ giao nhiệm vụ thư ký Công ty

b. Chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức:
 - Chuẩn bị tốt các phương án vận hành; quản lý tốt lao động; củng cố các thiết bị vận hành, thiết bị dự phòng; tận dụng tối đa quỹ thời gian chạy máy, điều hành chạy máy với công suất và sản lượng cao, không để ngừng sản xuất do chủ quan do sản phẩm đầy kho; giám sát tốt chất lượng sản phẩm; giảm định mức tiêu hao (đặc biệt là điện, hơi nước, khí Hydro) đảm bảo SX-KD hiệu quả cao nhất.
 - Tiếp tục công tác phối hợp điều hành sản xuất với Đạm Hà Bắc để đảm bảo việc cung cấp nguyên liệu đầu vào đúng tiêu chuẩn chất lượng và ổn định theo hợp đồng đã ký.
- Công tác thị trường:

- Tiếp tục cơ cấu thị trường tiêu thụ sản phẩm theo hướng cân đối sản phẩm tiêu thụ tại thị trường Miền Bắc và thị trường Miền Nam. Tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm loãng (có hiệu quả hơn so với sản phẩm đặc).
- Chủ động kiểm soát thị trường, điều chỉnh giá bán sản phẩm linh hoạt không để tiêu thụ sản phẩm ảnh hưởng đến phải ngừng máy, giá bán phải bảo đảm cạnh tranh và cao hơn phí biến đổi.

3. Công tác kế hoạch, vật tư, tài chính:

- Tiết giảm các chi phí: kiểm soát chặt chẽ giá vật tư đầu vào; tạm dừng các khoản đầu tư chưa cần thiết;
- Do khó khăn về tài chính căn cứ tình hình thực tế một số hạng mục sửa chữa lớn theo kế hoạch có thể lùi thời gian hoặc lùi sang kế hoạch năm sau.
- Tích cực làm việc với các ngân hàng để có được các chính sách hỗ trợ về tài chính.

4. Công tác Tổ chức, lao động tiền lương:

Rà soát lại hệ thống quy chế nội bộ, bổ sung sửa đổi cho phù hợp.

Yêu cầu cân đối bố trí lao động hợp lý, đảm bảo tăng thu nhập cho người lao động, ổn định việc làm. Hạn chế tối đa thời gian người lao động nghỉ chờ việc do ngừng dây chuyền.

Chỉ đạo Công ty xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ luật pháp và có hiệu quả nhất đối với Công ty và quyền lợi của các cổ đông.

3. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020.

Một số chỉ tiêu chính:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2020	Thực hiện năm 2020	So với (%) KH năm
1	Giá trị tổng sản lượng	1000 đ	68.040.000	73.156.902	107,5
2	Sản lượng sản phẩm(Quy 50%)	Tấn	9.450	10.160	107,5
3	Nộp Ngân sách nhà nước	1000 đ	2.031.257	4.183.080	205,9
4	Doanh thu tiêu thụ	1000đ	78.256.500	74.145.485	94,7
5	Lợi nhuận trước thuế	1000đ	213.832	1.864.273	871,8
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/CP	20,36	189	928,4
7	Cổ tức dự kiến	1000đ	0	0	

4. Kết quả công tác giám sát

Bên cạnh công tác quản lý, chỉ đạo, hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác cũng được tăng cường, đảm

bảo cho hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, triển khai đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến công tác điều hành của Giám đốc Công ty. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị như sau:

a) Đối với Ban giám đốc Công ty:

Năm 2020, công tác điều hành của Ban giám đốc đã thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã đề ra, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; trong thực hiện nhiệm vụ luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo, đoàn kết phấn đấu vượt qua khó khăn để đạt được kết quả cao nhất, cụ thể:

- Ban giám đốc đã đưa ra các cơ chế, chính sách kinh doanh, thị trường hợp lý, từng bước vượt khó khăn thách thức, cơ bản đạt được các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra hàng năm, thị trường trọng điểm của Công ty tiếp tục được giữ vững.

- Việc triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được Ban giám đốc thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả.

- Tình hình tài chính, các khoản chi phí được Ban giám đốc kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại cho Công ty.

- Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thưởng và quan tâm đến đời sống về nhiều mặt cho người lao động; môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện.

b) Đối với cán bộ quản lý các phòng, đơn vị trực thuộc:

- Lãnh đạo các phòng ban trong công ty, xưởng sản xuất đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; các nhiệm vụ do Giám đốc Công ty triển khai đều được các phòng ban trong công ty, xưởng sản xuất thực hiện tốt.

- Tập thể người lao động trong Công ty luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần vào kết quả chung của Công ty.

5. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, Ban điều hành.

HĐQT, Giám đốc công ty trong chỉ đạo điều hành luôn tuân thủ nghiêm túc Điều lệ Công ty, bám sát các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, biến động của thị trường để chỉ đạo, định hướng các hoạt động của Công ty. Giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết và chỉ đạo HĐQT Công ty.

HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định, nếu thấy cần thiết HĐQT tổ chức các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động SX-KD của Công ty.

HĐQT đã kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, đặc biệt vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động SXKD, báo cáo thường kỳ các hoạt động SXKD, tiến độ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch các vấn đề vướng mắc cần tháo gỡ. HĐQT đã đề nghị Giám đốc Công ty báo cáo bổ sung một số vấn đề mà cổ đông quan tâm, minh bạch hóa các quan hệ có ảnh hưởng đến lợi ích của Cổ đông.

HĐQT tổ chức Đại hội cổ đông thường niên, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung: báo cáo thực hiện hoạt động SX-KD, phương hướng nhiệm vụ, báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.

Năm 2020, kiểm điểm các công tác thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên, HĐQT đã nhất trí đánh giá các thành viên hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các thành viên HĐQT làm việc với thái độ trung thực, khách quan, không vụ lợi, vì lợi ích của Công ty, thực hiện đúng theo các nội quy, quy chế hoạt động của Công ty quy định.

6. Về giao dịch giữa Công ty với người nội bộ:

Trong năm 2020, không phát sinh giao dịch giữa Công ty với người nội bộ.

7. Về thù lao HĐQT:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị được Công ty chi trả thù lao theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua

- Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 36.000.000 đồng.

- Thành viên HĐQT:

2.000.000 đồng/người/tháng x 04 người x 12 tháng = 96.000.000 đồng.

Tổng mức thù lao của HĐQT: 132.000.000 đồng/năm.

II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021.

1. Công tác điều hành SXKD.

- Chỉ đạo Công ty khai thác tối đa năng lực thiết bị dây chuyền vận hành đảm bảo các thông số kỹ thuật, đúng chất lượng; tận dụng hết khả năng quý thời gian chạy máy.

- Chỉ đạo điều hành SX-KD cân đối sản lượng sản xuất và sản lượng hàng bán ra thị trường đảm bảo thực hiện phương án có hiệu quả nhất và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra với các nhiệm vụ chính:

+ Sản xuất ổn định, an toàn và hiệu quả.

+ Tiếp tục giảm các định mức tiêu hao, giảm giá thành sản xuất.

+ Chiếm lĩnh, chủ động thị trường H₂O₂ Miền Bắc cân đối hợp lý sản phẩm cho thị trường Miền Nam.

+ Tăng tỷ trọng sản phẩm loãng trong cơ cấu sản phẩm trên tổng sản phẩm quy đổi theo hướng có hiệu quả kinh tế cao.

+ Chủ động và linh hoạt điều chỉnh giá bán sản phẩm căn cứ theo sát nhu cầu thị trường trong từng thời điểm.

- Tiếp tục kiện toàn quy chế, quy định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý trên các mặt hoạt động của Công ty để tăng cường công tác quản lý, giảm chi phí đặc biệt là vật tư đầu vào cho sản xuất;

- Kiểm soát việc thực hiện các quy chế quản trị, quy chế tài chính Công ty.

- Phê duyệt và giao Kế hoạch SX-KD, định mức tiêu hao nguyên vật liệu chủ yếu và định biên lao động theo sát với khả năng điều kiện thực tế.

- Nâng dần tiền lương của người lao động theo mặt bằng chung của khu vực trong các năm tiếp theo nhằm đảm bảo đời sống và giữ được người lao động tiếp tục làm việc tại Công ty.

2. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2021.

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
1	Giá trị sản lượng	1000 đồng	67.680.000
2	Sản lượng H ₂ O ₂ (quy về nồng độ 50%)	tấn	9.400
3	Doanh thu	1000 đồng	74.180.000
4	Lợi nhuận trước thuế	“	310.715
5	Nộp ngân sách nhà nước	“	2.684.083
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	30
7	Cổ tức (dự kiến)	%	0

Hội đồng quản trị công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó của các cổ đông trong thời gian tới.

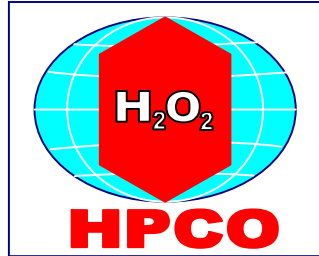
Chúng tôi hứa sẽ cùng Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty cố gắng hết sức để hoàn thành các mục tiêu vì sự phát triển của Công ty và lợi ích của cổ đông./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Chu Anh Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC**



**PHỤ LỤC
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2020**

Bắc Giang, năm 2021

Bắc Giang, ngày tháng năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Căn cứ nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc số 94/NQĐHĐCĐ - HPCO ngày 10 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ tình hình hoạt động và báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông công ty về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.

**PHẦN I
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020**

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ của Công ty Cổ phần Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc (HPCO) trong việc quản trị, điều hành công ty:

- Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động của Hội đồng Quản trị công ty có nề nếp, có kế hoạch cụ thể, duy trì các cuộc họp đúng quy định của điều lệ Công ty. Trong các cuộc họp có ra các nghị quyết để Giám đốc triển khai thực hiện. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đúng với pháp luật và phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty.

- Giám đốc công ty thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Hội đồng quản trị, một số công việc chưa thực hiện đều có báo cáo giải trình tại các cuộc họp của Hội đồng.

- Các phòng bộ phận chức năng của Công ty có sự phối hợp hoạt động tốt. Khối kỹ thuật sản xuất đã làm chủ được công nghệ sản xuất, khi đủ điều kiện đầu vào cho sản xuất đã duy trì chạy máy ổn định, an toàn, đạt sản lượng và chất lượng sản phẩm theo kế hoạch, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Các định mức tiêu hao cho sản xuất Ôxy già của Công ty đều giám và bằng so với định mức kế hoạch được giao. Định mức hơi nước 1,27 Mpa thực hiện bằng 81% so với định mức kế hoạch, định mức điện thực hiện bằng 95,7% so với kế hoạch, định mức khí H2 nguyên liệu thực hiện bằng 91,2% so với định mức kế hoạch giao. Giá trị tiết kiệm do giảm định mức tiêu hao năm 2020 so với thực hiện năm 2019 là 1,752 tỷ đồng, so với kế hoạch Hội đồng quản trị giao năm 2020 là 3,356 tỷ đồng, trong đó tiết

kiện do giảm định mức khí H₂ nguyên liệu, điện và hơi nước là 3,121 tỷ đồng, góp một phần làm giảm giá thành sản xuất, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Khối nghiệp vụ đã chủ động nắm bắt những vấn đề kinh tế, đã chủ động cân đối dòng tiền đã trả trước khoản vay dài hạn năm 2021 theo cam kết tiến độ trả nợ gốc với các ngân hàng góp phần giảm lãi vay đầu tư, sử dụng hiệu quả nguồn tiền đảm bảo an toàn tài chính, không phải vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thường xuyên cập nhật những quy định về hạch toán của Nhà nước để xây dựng báo cáo tài chính đúng chuẩn mực.

- Việc mở sổ kế toán, tổ chức hạch toán và lưu trữ chứng từ được Phòng kế toán của Công ty thực hiện đúng quy định.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Năm 2020, Ban Kiểm soát đã duy trì kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, của Giám đốc Công ty. Việc trao đổi công việc của các thành viên Ban kiểm soát chủ yếu thông qua các phương tiện như Điện thoại, internet:

- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch sửa chữa lớn, kế hoạch lao động tiền lương và thu nhập.

- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

- Giám sát việc sử dụng vốn kinh doanh của Công ty.

- Cử người tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Cho ý kiến về các vấn đề liên quan đến hạch toán kế toán, các biện pháp liên quan đến tiền lương, tiêu thụ sản phẩm và những ý kiến với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

3. Thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính năm 2020:

3.1. Căn cứ thẩm tra báo cáo tài chính của công ty.

Báo cáo tài chính năm 2020 do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện. Bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Thuyết minh báo cáo tài chính.

3.2. Kết quả thẩm tra báo cáo tài chính năm 2020

- Ban kiểm soát xác nhận: Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán được lập theo đúng quy định của Luật kế toán và các quy định của chuẩn mực kế toán đủ độ tin cậy.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN
(So với KHSXKD theo nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020)

BẢNG TỔNG KẾT TÀI SẢN (Dạng rút gọn)

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ 31/12/2020	Số đầu kỳ 01/01/2020	Chênh lệch
(a)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
TÀI SẢN			
A. Tài sản ngắn hạn	33.532.774.787	23.281.295.775	10.251.479.012
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	21.234.421.670	9.925.551.263	11.308.870.407
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	3.265.803.669	6.911.009.306	-3.645.205.637
IV. Hàng tồn kho	8.646.548.082	6.036.479.176	2.610.068.906
V. Tài sản ngắn hạn khác	386.001.366	408.256.030	-22.254.664
B. Tài sản dài hạn	112.423.929.779	130.685.502.742	-18.261.572.963
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	0
II. Tài sản cố định	107.586.345.502	120.551.685.646	-12.965.340.144
III. Bất động sản đầu tư	-	-	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	0
V. Tài sản dài hạn khác	4.837.584.277	10.133.817.096	-5.296.232.819
Tổng cộng tài sản	145.956.704.566	153.966.798.517	-8.010.093.951
NGUỒN VỐN			
A. Nợ phải trả	45.684.788.481	53.661.375.026	-7.976.586.545
I. Nợ ngắn hạn	8.527.113.926	7.741.521.243	785.592.683
II. Nợ dài hạn	37.157.674.555	45.919.853.783	-8.762.179.228
B. Vốn chủ sở hữu	100.271.916.085	100.305.423.491	-33.507.406
I. Vốn chủ sở hữu	100.271.916.085	100.305.423.491	-33.507.406
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	0
Tổng cộng nguồn vốn	145.956.704.566	153.966.798.517	-8.010.093.951

KẾT QUẢ KINH DOANH

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch
(a)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	74.255.739.039	75.667.770.422	-1.412.031.383
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	74.255.739.039	75.667.770.422	-1.412.031.383
4. Giá vốn hàng bán	63.134.880.911	61.595.583.511	1.539.297.400
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.120.858.128	14.072.186.911	-2.951.328.783
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.069.301.141	954.286.888	115.014.253
7. Chi phí tài chính	3.456.124.628	4.099.934.882	-643.810.254
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>2.608.006.576</i>	<i>3.792.552.146</i>	<i>-1184.545.570</i>
8. Chi phí bán hàng	1.086.903.617	1.633.784.220	-546.880.603

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.783.184.640	5.523.418.607	259.766.033
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.863.946.384	3.769.336.090	-1.905.389.706
11. Thu nhập khác	326.400	3.338.545	3.012.145
12. Chi phí khác		9.500.000	-9.500.000
13. Lợi nhuận khác	326.400	(6.161.455)	6.487.855
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.864.272.784	3.763.174.635	-1.898.901.851
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	276.118.190	776.134.927	-500.016.737
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.588.154.594	2.987.039.708	-1.398.885.114
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	189	356	

PHẦN II NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Số ngày đủ nguyên nhiên liệu, động lực để duy trì sản xuất là 305 ngày, xúc tác Paladi đưa vào sử dụng năm thứ 2 đáp ứng tốt cho sản xuất, năm 2020 là năm đầu tiên Công ty sản xuất đạt sản lượng công suất thiết kế.

- Giá khí Hydro nguyên liệu, hơi nước tiếp tục tăng so với năm 2019, giá một số hóa chất mua từ thị trường Trung Quốc vẫn ở mức cao và khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh covid 19.

- Công tác quản lý thiết bị và công nghệ được duy trì thường xuyên và hiệu quả. Năm 2020, định mức tiêu hao nguyên vật liệu chủ yếu giảm so với kế hoạch được giao, góp phần làm cho sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi.

- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Sản phẩm Ôxy già của Công ty sản xuất ra luôn đạt chất lượng theo tiêu chuẩn TCCS 01:2011/HPCO đã công bố. Sản phẩm đáp ứng chất lượng cho các ngành sản xuất giấy, dệt may và xử lý môi trường và đã có đơn vị sử dụng trong ngành điện tử. Phối hợp cùng các nhà phân phối giải đáp các kiến nghị của người sử dụng về chất lượng sản phẩm, đã tạo được niềm tin về chất lượng sản phẩm của Công ty với người sử dụng.

- Bước sang năm 2021 giá khí Hydro, hơi nước là nguyên liệu chính đầu vào cho sản xuất Ôxy già giảm so với năm 2020 nhưng vẫn ở mức cao. Giá hóa chất nhập khẩu từ thị trường Trung quốc tăng mạnh do ảnh hưởng của tỷ giá đồng Nhân dân tệ với Đô la Mỹ và chi phí vận chuyển, nhập khẩu tăng cao. Việc phân bổ chi phí sửa chữa lớn các năm trước và một số thiết bị đưa vào vận hành từ khi dự án đi vào sản xuất đã đến chu kỳ sửa chữa lớn làm chi phí sửa chữa trong năm 2021 tăng, năm nay Công ty cần bổ sung 01 tấn xúc tác paladi để duy trì ổn định năng lực sản xuất của dây chuyền trong điều kiện giá Paladi tăng gấp hơn 2 lần so với năm 2018, đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty.

Trước những thách thức như trên đòi hỏi Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc và toàn bộ người lao động Công ty phải có những nỗ lực để duy trì sản xuất kinh doanh ổn định, đạt hiệu quả. Tại Đại hội cổ đông này, Ban kiểm soát xin báo cáo và đề nghị Đại hội cổ đông có những quyết sách hợp lý nhằm đẩy sản xuất, ổn định dòng tiền cho sản xuất, trả gốc vốn vay đầu tư đúng hạn, phân đầu sản xuất kinh doanh có lãi, tiếp tục bảo toàn và phát triển vốn Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Nơi nhận:

- Hội đồng QT
- Giám Đốc
- Các Thành viên
- Lưu VT, BKS

CÁC THÀNH VIÊN

TRƯỞNG BAN



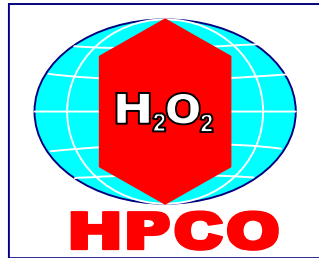
Lê Thanh Hiếu

Bùi Anh Tuấn



Nguyễn Thu Nga

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC**



**PHỤ LỤC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN
NĂM 2020**

Bắc Giang, năm 2021

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 26
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 25 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Chu Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Phạm Hoàng Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Toàn	Ủy viên
Ông Nguyễn Tổng Luận	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hoàng Hưng	Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thu Nga	Trưởng ban
Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên
Ông Bùi Anh Tuấn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

CO
HI
IG
A
K

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Hoàng Hưng

Giám đốc

Bắc Giang, ngày 19 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được lập ngày 19 tháng 02 năm 2021, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2021

T: (84)24 3824 1990 | F: (84)24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

A member of **HLB** International

Lê Văn Hưng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 3953-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		33.532.774.787	23.281.295.775
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	21.234.421.670	9.925.551.263
111	1. Tiền		14.634.693.038	3.583.838.519
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.599.728.632	6.341.712.744
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.265.803.669	6.911.009.306
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	2.877.042.700	6.066.286.650
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	148.262.501	516.600.050
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	240.498.468	328.122.606
140	IV. Hàng tồn kho	7	8.646.548.082	6.036.479.176
141	1. Hàng tồn kho		8.646.548.082	6.036.479.176
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		386.001.366	408.256.030
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	386.001.366	408.256.030
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		112.423.929.779	130.685.502.742
220	II. Tài sản cố định		107.586.345.502	120.551.685.646
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	107.586.345.502	120.551.685.646
222	- Nguyên giá		205.722.266.960	205.722.266.960
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(98.135.921.458)	(85.170.581.314)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.837.584.277	10.133.817.096
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	4.837.584.277	10.133.817.096
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		145.956.704.566	153.966.798.517

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		45.684.788.481	53.661.375.026
310	I. Nợ ngắn hạn		8.527.113.926	7.741.521.243
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	2.278.897.960	1.850.509.356
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	57.769.490	31.252.390
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	311.667.073	971.012.152
314	4. Phải trả người lao động		950.462.928	1.340.409.429
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	128.847.923	107.367.708
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	2.945.520.552	2.353.750.208
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.853.948.000	1.087.220.000
330	II. Nợ dài hạn		37.157.674.555	45.919.853.783
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10	37.157.674.555	45.919.853.783
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		100.271.916.085	100.305.423.491
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	100.271.916.085	100.305.423.491
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		84.000.000.000	84.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		84.000.000.000	84.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		9.385.990.951	8.489.879.039
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.885.925.134	7.815.544.452
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.297.770.540	4.828.504.744
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		1.588.154.594	2.987.039.708
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		145.956.704.566	153.966.798.517

Handwritten signature

Handwritten signature



Đặng Thị Mai Hương

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 19 tháng 02 năm 2021

Thân Thị Hà

Trưởng phòng Kế toán

Phạm Hoàng Hưng

Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	74.255.739.039	75.667.770.422
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		74.255.739.039	75.667.770.422
11	4. Giá vốn hàng bán	19	63.134.880.911	61.595.583.511
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.120.858.128	14.072.186.911
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.069.301.141	954.286.888
22	7. Chi phí tài chính	21	3.456.124.628	4.099.934.882
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.608.006.576	3.792.552.146
25	8. Chi phí bán hàng	22	1.086.903.617	1.633.784.220
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	5.783.184.640	5.523.418.607
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.863.946.384	3.769.336.090
31	11. Thu nhập khác		326.400	3.338.545
32	12. Chi phí khác		-	9.500.000
40	13. Lợi nhuận khác		326.400	(6.161.455)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.864.272.784	3.763.174.635
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	276.118.190	776.134.927
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.588.154.594	2.987.039.708
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		189	356

Đặng Thị Mai Hương

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 19 tháng 02 năm 2021

Thân Thị Hà

Trưởng phòng Kế toán



Phạm Hoàng Hưng

Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.864.272.784	3.763.174.635
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		12.965.340.144	13.002.830.507
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(105.331.237)	(23.870.970)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(234.478.173)	(623.033.182)
06	- Chi phí lãi vay		2.608.006.576	3.792.552.146
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17.097.810.094	19.911.653.136
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3.702.867.931	(4.214.469.355)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.610.068.906)	1.570.682.309
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		854.699.195	(3.066.173.734)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.296.232.819	4.635.992.819
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.635.402.361)	(3.794.742.441)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(976.134.927)	(5.363.169.138)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(854.934.000)	(734.853.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		19.875.069.845	8.944.920.596
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		272.952.353	748.250.372
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		272.952.353	748.250.372
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(8.656.847.991)	(15.449.327.482)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(182.303.800)	(11.196.216.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8.839.151.791)	(26.645.543.482)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		11.308.870.407	(16.952.372.514)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.925.551.263	26.877.923.777
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	21.234.421.670	9.925.551.263

Đặng Thị Mai Hương

Thân Thị Hà



Đặng Thị Mai Hương

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 19 tháng 02 năm 2021

Thân Thị Hà

Trưởng phòng Kế toán

Phạm Hoàng Hưng

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 25 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 84.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 84.000.000.000 đồng; tương đương 8.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại 31/12/2020 là: 62 người (tại 31/12/2019 là: 62 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: sản xuất và buôn bán hóa chất H₂O₂.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong Chủ tịch được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau: Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Báo cáo tài chính giữa niên độ và ngân hàng thương mại.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Các tài sản khác	03 - 05 năm

2.9. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí hỗ trợ vận chuyển, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ tỷ giá hối đoái

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty đang áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và được giảm 30% thuế TNDN phải nộp năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo quy định tại Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020.

2.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22. Thông tin bộ phận

Do hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh H₂O₂ và chỉ phát sinh tại tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Tiền mặt	152.831.168	160.485.555
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.481.861.870	3.423.352.964
- Các khoản tương đương tiền	6.599.728.632	6.341.712.744
	<u>21.234.421.670</u>	<u>9.925.551.263</u>

Tại 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng có giá trị 6.599.728.632 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Bắc Giang với lãi suất 3%/năm.

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Hoá chất và Môi trường Vũ Hoàng	832.889.300	-	2.869.033.300	-
- Công ty TNHH Công nghệ Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	1.299.708.300	-	1.645.166.050	-
- Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Long Biên	214.076.800	-	372.684.400	-
- Công ty TNHH Bảo Sơn Bắc Giang	12.000.000	-	548.816.000	-
- Công ty TNHH Trần Lê Anh	-	-	305.617.100	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	518.368.300	-	324.969.800	-
	2.877.042.700	-	6.066.286.650	-

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Công nghệ Nano ứng dụng	148.262.400	-	508.200.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	101	-	8.400.050	-
	148.262.501	-	516.600.050	-

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.155.295	-	59.629.475	-
- Tạm ứng	193.700.000	-	249.500.000	-
- Ký cược, ký quỹ	1.500.000	-	-	-
- Phải thu khác	24.143.173	-	18.993.131	-
	240.498.468	-	328.122.606	-

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	5.302.806.459	-	5.138.088.834	-
- Công cụ, dụng cụ	57.837.000	-	57.837.000	-
- Thành phẩm	3.285.904.623	-	840.553.342	-
	8.646.548.082	-	6.036.479.176	-

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiết tại Phụ lục số 01.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	4.837.584.277	10.133.817.096
	4.837.584.277	10.133.817.096

10. CÁC KHOẢN VAY

Chi tiết tại Phụ lục số 02.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	2.278.897.960	2.278.897.960	1.837.124.556	1.837.124.556
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Tiến Đạt	-	-	13.384.800	13.384.800
	2.278.897.960	2.278.897.960	1.850.509.356	1.850.509.356
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	2.278.897.960	2.278.897.960	1.837.124.556	1.837.124.556

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ý Cường Thịnh	29.101.200	-
- Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Việt Nam	22.080.000	22.080.000
- Người mua trả tiền trước khác	6.588.290	9.172.390
	57.769.490	31.252.390

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiết tại Phụ lục số 03.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	26.793.923	54.189.708
- Trích trước chi phí hỗ trợ vận chuyển cho khách hàng	81.054.000	33.378.000
- Chi phí phải trả khác	21.000.000	19.800.000
	128.847.923	107.367.708

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	62.148.094	25.336.444
- Bảo hiểm xã hội	148.706	148.706
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.788.582.840	1.970.886.640
- Quỹ thưởng BGD và các quỹ công đoàn	61.653.976	68.653.976
- Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	77.757.524	55.357.524
- Chi phí hỗ trợ vận chuyển phải trả khách hàng	-	64.842.000
- Nguyên liệu, vật tư chưa có hóa đơn	896.001.150	133.167.200
- Quỹ thưởng Ban điều hành	42.250.544	12.280.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.977.718	23.077.718
	2.945.520.552	2.353.750.208

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	84.000.000.000	5.501.266.000	22.229.917.783	111.731.183.783
Lãi trong năm trước	-	-	2.987.039.708	2.987.039.708
Phân phối lợi nhuận	-	2.988.613.039	(17.401.413.039)	(14.412.800.000)
Số dư cuối năm trước	84.000.000.000	8.489.879.039	7.815.544.452	100.305.423.491
Số dư đầu năm nay	84.000.000.000	8.489.879.039	7.815.544.452	100.305.423.491
Lãi trong năm nay	-	-	1.588.154.594	1.588.154.594
Phân phối lợi nhuận	-	896.111.912	(2.517.773.912)	(1.621.662.000)
Số dư cuối năm nay	84.000.000.000	9.385.990.951	6.885.925.134	100.271.916.085

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 94/NQĐHĐCĐ - HPCO ngày 10/06/2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	100,00%	7.815.544.452
Trích Quỹ đầu tư phát triển	11,47%	896.111.912
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành	20,75%	1.621.662.000
Lợi nhuận chưa phân phối	67,79%	5.297.770.540

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	Tỷ lệ	01/01/2020	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	54.230.000.000	64,56%	54.230.000.000	64,56%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	9.998.000.000	11,90%	9.998.000.000	11,90%
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	5.600.000.000	6,67%	5.600.000.000	6,67%
Các cổ đông khác	14.172.000.000	16,87%	14.172.000.000	16,87%
	84.000.000.000	100%	84.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	84.000.000.000	84.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	84.000.000.000	84.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.970.886.640	567.102.640
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	12.600.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	12.600.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(182.303.800)	(11.196.216.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(182.303.800)	(11.196.216.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.788.582.840	1.970.886.640

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.400.000	8.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.400.000	8.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Công ty

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	9.385.990.951	8.489.879.039
	9.385.990.951	8.489.879.039

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Phường Thọ Xương - Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 2010 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 14.623,2 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	74.255.739.039	75.667.770.422
	74.255.739.039	75.667.770.422

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	63.134.880.911	61.595.583.511
	63.134.880.911	61.595.583.511
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan	30.948.211.652	24.742.287.038

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	234.478.173	623.033.182
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	729.491.731	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	105.331.237	331.253.706
	1.069.301.141	954.286.888

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.608.006.576	3.792.552.146
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	848.118.052	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	307.382.736
	3.456.124.628	4.099.934.882

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	320.614.217	267.438.459
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	30.694.461
Chi phí khác bằng tiền	766.289.400	1.335.651.300
	1.086.903.617	1.633.784.220

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117.828.574	114.192.079
Chi phí nhân công	3.928.327.194	3.967.797.469
Chi phí khấu hao tài sản cố định	139.123.500	142.293.759
Thuế, phí, lệ phí	102.136.474	83.322.249
Chi phí dịch vụ mua ngoài	785.868.595	342.360.000
Chi phí khác bằng tiền	709.900.303	873.453.051
	5.783.184.640	5.523.418.607

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.864.272.784	3.763.174.635
Các khoản điều chỉnh tăng	108.000.000	117.500.000
- Chi phí không được trừ	108.000.000	117.500.000
Thu nhập tính thuế TNDN	1.972.272.784	3.880.674.635
Chi phí thuế TNDN (thuế suất 20%) (1)	394.454.557	776.134.927
Thuế TNDN được miễn giảm theo NĐ 114/2020/NĐ-CP (2)	(118.336.367)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (=1+2)	276.118.190	776.134.927
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	626.134.927	5.213.169.138
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(976.134.927)	(5.363.169.138)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(73.881.810)	626.134.927

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.588.154.594	2.987.039.708
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.588.154.594	2.987.039.708
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.400.000	8.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	189	356

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.331.304.681	43.693.084.125
Chi phí nhân công	8.574.931.102	8.405.207.211
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.965.340.144	13.002.830.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	806.868.595	342.360.000
Chi phí khác bằng tiền	1.771.875.927	2.209.104.351
	72.450.320.449	67.652.586.194

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.234.421.670	-	9.925.551.263	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.117.541.168	-	6.394.409.256	-
	24.351.962.838	-	16.319.960.519	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	37.157.674.555	45.919.853.783
Phải trả người bán, phải trả khác	5.224.418.512	4.204.259.564
Chi phí phải trả	128.847.923	107.367.708
	42.510.940.990	50.231.481.055

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.234.421.670	-	-	21.234.421.670
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.117.541.168	-	-	3.117.541.168
	24.351.962.838	-	-	24.351.962.838
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.925.551.263	-	-	9.925.551.263
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.394.409.256	-	-	6.394.409.256
	16.319.960.519	-	-	16.319.960.519

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	-	37.157.674.555	-	37.157.674.555
Phải trả người bán, phải trả khác	5.224.418.512	-	-	5.224.418.512
Chi phí phải trả	128.847.923	-	-	128.847.923
	5.353.266.435	37.157.674.555	-	42.510.940.990
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	-	45.919.853.783	-	45.919.853.783
Phải trả người bán, phải trả khác	4.204.259.564	-	-	4.204.259.564
Chi phí phải trả	107.367.708	-	-	107.367.708
	4.311.627.272	45.919.853.783	-	50.231.481.055

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ		30.948.211.652	24.742.287.038
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Công ty mẹ	30.948.211.652	24.742.287.038

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả người bán ngắn hạn		2.278.897.960	1.837.124.556
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Công ty mẹ	2.278.897.960	1.837.124.556

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập của Giám đốc	414.429.054	449.122.540
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	653.423.001	879.524.054

PHỤ LỤC 01: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	26.054.643.113	179.120.360.211	345.454.545	201.809.091	205.722.266.960
Số dư cuối năm	26.054.643.113	179.120.360.211	345.454.545	201.809.091	205.722.266.960
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.220.684.344	77.424.825.318	345.454.545	179.617.107	85.170.581.314
- Khấu hao trong năm	1.007.598.732	11.951.401.080	-	6.340.332	12.965.340.144
Số dư cuối năm	8.228.283.076	89.376.226.398	345.454.545	185.957.439	98.135.921.458
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	18.833.958.769	101.695.534.893	-	22.191.984	120.551.685.646
Tại ngày cuối năm	17.826.360.037	89.744.133.813	-	15.851.652	107.586.345.502

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 107.239.679.485 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 616.290.909 VND

PHỤ LỤC 02: CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	8.775.474.312	8.775.474.312	-	-
	-	-	8.775.474.312	8.775.474.312	-	-
Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	45.919.853.783	45.919.853.783	-	8.762.179.228	37.157.674.555	37.157.674.555
	45.919.853.783	45.919.853.783	-	8.762.179.228	37.157.674.555	37.157.674.555
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(8.775.474.312)	(8.775.474.312)	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	45.919.853.783	45.919.853.783			37.157.674.555	37.157.674.555

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn

Số hợp đồng	Thời gian đáo hạn	Loại tiền	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	31/12/2020		01/01/2020	
					Nguyên tệ USD	Quy đổi VND	Nguyên tệ USD	Quy đổi VND
Hợp đồng số 0001-018-01/HĐTD ngày 15/07/2010 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang	26/09/2024	USD	7%/năm	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất H2O2	784.621	18.199.284.095	968.669	22.499.274.863
Hợp đồng số 01/10/ĐTDA/BG ngày 15/07/2010 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang	26/09/2024	USD	6,5%/năm	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất H2O2	816.644	18.958.390.460	1.008.204	23.420.578.920
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng						-		-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					<u>1.601.265</u>	<u>37.157.674.555</u>	<u>1.976.873</u>	<u>45.919.853.783</u>
					<u>37.157.674.555</u>		<u>45.919.853.783</u>	

